

– Sửa bài, GV cho HS **trình bày** theo nhóm (mỗi nhóm / dãy số), **khuyến khích** HS nói cách làm.

Bài 3:

- GV cho HS **đọc** yêu cầu.
- HS tìm hiểu và làm bài cá nhân.
- Sửa bài, GV cho HS **trình bày** cách làm (mỗi HS / tia số).

Bài 4:

- GV (hoặc một HS) **đọc** từng câu.
- Cả lớp **suy nghĩ**, **chọn** thẻ Đ / S (hoặc viết Đ / S vào bảng con) rồi giơ lên theo hiệu lệnh của GV (**khuyến khích** HS giải thích).

Ví dụ: a) S (vì số 621 có 6 trăm, 2 chục và 1 đơn vị); b) Đ; c) Đ.

CÙNG CỐ

GV có thể cho HS chơi: Đố bạn?

GV đọc số – HS dùng thẻ số để sắp xếp.

Ví dụ: GV đọc số “một trăm linh hai”.

HS xếp thẻ:



(hoặc ngược lại).

**ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ
(2 tiết)**

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Ôn tập phép cộng, phép trừ (không nhớ và có nhớ không quá một lượt) trong phạm vi 1000.

– Nhận biết tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng qua các trường hợp cụ thể, GV khái quát bằng lời (chưa nêu tên tính chất). Vận dụng tính chất giao hoán, tính chất kết hợp để tính toán hợp lí.

– Nhận biết ba số gia đình, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ; dựa vào sơ đồ tách – gộp số.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; mô hình hoá toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ, nhân ái.

B. Thiết bị dạy học

GV: 3 thanh chục và 17 khối lập phương (hoặc các mảnh bìa vẽ chấm tròn trong bài học); hình vẽ tóm tắt các bài Luyện tập 3, 4 và 5 (nếu cần).

HS: 2 thanh chục và 5 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Trò chơi ĐỐ BẠN.

Ví dụ:

GV: Đố bạn, đố bạn.

HS: Đố gì? Đố gì?

GV: Gộp 20 và 10 được mấy?

HS: Gộp 20 và 10 được 30.

GV: Lập sơ đồ tách – gộp số.

HS: Lập sơ đồ vào bảng con.

GV: Đọc bốn phép tính.

HS: $20 + 10 = 30$

$30 - 10 = 20$

$10 + 20 = 30$



$30 - 20 = 10$

...

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Tính chất giao hoán của phép cộng

– HS làm việc theo nhóm bốn thực hiện các yêu cầu của GV.

• Dùng  thể hiện số 22 và 15. Có tất cả bao nhiêu  ?

• Lập sơ đồ tách – gộp số.

• Viết bốn phép tính, đọc bốn phép tính.

– Sửa bài: hai nhóm HS trình bày theo yêu cầu của GV

(nhóm một: $22 + 15$; nhóm hai: $15 + 22 \rightarrow$ vừa nói, vừa thao tác trên bảng lớp).

– GV cho HS nhận xét: vị trí các số hạng và kết quả của hai phép cộng

$$22 + 15 \text{ và } 15 + 22.$$

– GV kết luận: Khi đổi chỗ hai số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi.
(HS hiểu, không cần thiết thuộc nhận xét này.)

2. Thực hành

Ba số gia đình – Quan hệ giữa phép cộng và phép trừ

– Thực hiện mẫu: GV giúp HS làm các việc theo trình tự:

• Lập sơ đồ tách – gộp số.

• Viết bốn phép tính, đọc bốn phép tính.

– HS (nhóm bốn) thảo luận và làm bài theo trình tự mẫu.

– Sửa bài, khuyến khích HS trình bày cách làm.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– GV cho HS đọc yêu cầu.

– HS thảo luận (nhóm bốn) tìm hiểu bài, xác định các việc cần làm: đặt tính rồi tính.

– HS làm cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.

– Sửa bài, GV cho HS trình bày theo nhóm (mỗi nhóm / phép tính).

Lưu ý: GV có thể đọc từng phép tính cho HS thực hiện vào bảng con.

Bài 2:

– GV cho HS **đọc** yêu cầu.

– HS thảo luận (nhóm đôi) **tim hiểu** bài, tìm cách làm.

GV có thể gợi ý: tìm hai số hạng có tổng là số tròn chục để tính trước, rồi cộng với số hạng còn lại.

– HS làm cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.

– Sửa bài, GV cho HS **trình bày** theo nhóm (mỗi nhóm / câu), **khuyến khích** HS chọn cách tính thuận tiện.

– GV chốt: **Khi cộng một tổng của hai số với số thứ ba, ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba.** (HS hiểu, không cần thiết thuộc nhận xét này.)

Vui học

– GV cho HS **đọc** yêu cầu.

– HS thảo luận (nhóm bốn) **tim hiểu** bài, tìm cách làm: nói tình huống có số hạng hay số trừ bằng 0 rồi **viết phép tính**.

– HS **thảo luận** và làm bài.

– Khi sửa bài, GV **khuyến khích** nhiều nhóm **trình bày**.

– GV chốt: Một số cộng với 0 (hoặc trừ cho 0) hay 0 cộng với một số bằng chính số đó.

Bài 3:

Bước 1: **Tim hiểu** bài toán.

– GV treo bảng phụ có viết đề bài (hoặc trình chiếu): HS **đọc** đề bài (hai HS đọc, cả lớp đọc thầm theo).

– GV vấn đáp giúp HS xác định **cái đã cho** và **cái phải tìm**.

• Đề bài cho biết gì? (Đội văn nghệ có 27 bạn nữ và 15 bạn nam.)

• Đề bài hỏi gì? (Đội văn nghệ có tất cả bao nhiêu bạn?)

– GV và HS cùng vẽ (GV vẽ trên bảng lớp, HS vẽ vào bảng con hoặc vẽ vào vở).

• Đội văn nghệ có bao nhiêu bạn nữ? (27 bạn.)

• Chúng ta vẽ một đoạn thẳng biểu thị cho 27 bạn nhé (vẽ theo ô tập: 9 ô hoặc vẽ theo xăng-ti-mét: 9 cm).

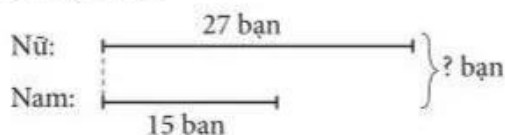
• Đội văn nghệ có bao nhiêu bạn nam? (15 bạn.)

• Chúng ta vẽ một đoạn thẳng biểu thị cho 15 bạn nhé (vẽ theo ô tập: 5 ô hoặc vẽ theo xăng-ti-mét: 5 cm).

• Các em chú ý vẽ hai đoạn thẳng có điểm bắt đầu thẳng cột với nhau nhé.

• Đề bài hỏi gì? (Đội văn nghệ có tất cả bao nhiêu bạn?)

• Vẽ dấu ngoặc để biểu thị cả hai:



- HS nhìn vào sơ đồ, **nói vắn tắt** những điều bài toán **cho biết** và **câu hỏi** của bài toán.

Bước 2: **Tìm cách giải** bài toán.

- HS **thảo luận** cách thức tính.

- Khi GV hỏi cách làm, HS chỉ cần **thông báo** chọn phép tính nào và vì sao chọn (Ví dụ: Chọn phép tính cộng vì thực hiện thao tác gộp, ...).

Bước 3: **Giải** bài toán.

Các nhóm thực hiện, viết phép tính vào bảng con (hoặc vào vở), một vài nhóm (làm vào bảng phụ) trình bày ngắn gọn cách làm.

Bài giải

Số bạn đội văn nghệ có tất cả là:

$$27 + 15 = 42 \text{ (bạn)}$$

Đáp số: 42 bạn.

Hoặc:

$$27 + 15 = 42$$

Đội văn nghệ có tất cả 42 bạn.

Bước 4: **Kiểm tra lại**.

GV giúp HS kiểm tra:

- Các số tham gia phép tính có đúng với đề bài không.
- Phép tính có phù hợp với vấn đề cần giải quyết không.
- Kết quả.
- Câu lời giải hoặc câu trả lời.

...

Bài 4:

- HS (nhóm đôi) **thảo luận** và **thực hiện** theo bốn bước.
- Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích** tại sao chọn phép trừ (vì tìm phần hơn).

$$25 - 18 = 7$$

Tổ 2 trồng được nhiều hơn tổ 1 là 7 cây.

Bài 5:

- GV cho HS **đọc yêu cầu**.
- HS thảo luận (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, chọn tóm tắt phù hợp.
- HS làm cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.
- Sửa bài, GV cho HS **trình bày** theo nhóm (mỗi nhóm / câu), **khuyến khích** HS nói cách làm.

Ví dụ: Bài toán 1: biết số nhãn vở cả hai bạn có và số nhãn vở của Mai, tìm số nhãn vở của Minh → tóm tắt B.

Bài toán 2: biết số khẩu trang của Mai và phần hơn, tìm số khẩu trang của Minh → tóm tắt A.

Thử thách

- GV giúp HS xác định **cái đã cho** và **cái phải tìm**.
- HS **tóm tắt** (có thể tóm tắt bằng sơ đồ đoạn thẳng, hoặc bằng sơ đồ tách - gộp), tìm cách giải.
- HS giải bài toán.
- Khi sửa bài, **khuyến khích** nhiều HS nói.

CỘNG NHẨM, TRỪ NHẨM (1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Ôn tập phép cộng, phép trừ nhẩm các số trong phạm vi 10, 20, các số tròn chục, tròn trăm trong phạm vi 1 000.
- Cộng nhẩm, trừ nhẩm trong một số trường hợp đơn giản.

2. Năng lực chủ trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: hình vẽ bài Luyện tập 1 (nếu cần).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Trò chơi ĐỐ BẠN (cộng nhẩm - trừ nhẩm các số tròn chục trong phạm vi 100 và các số tròn trăm trong phạm vi 1 000).

Ví dụ: GV: Đố bạn, đố bạn.

HS: Đố gì? Đố gì?

GV: $800 + 100 = ?$

HS: 900.

GV: Đố bạn, đố bạn.

HS: Đố gì? Đố gì?

GV: $60 - 30 = ?$

HS: 30.

...

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Cộng nhẩm, trừ nhẩm

GV có thể vận dụng phương pháp nhóm các mảnh ghép tổ chức cho HS hoạt động.